

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 05/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 10/05/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28214601903	Nguyễn Hoàng An	15/08/2004	Đắk Lắk	31THT2	6.7	7.0	Đạt	
2	28208001038	Lê Thị Bảo Ân	10/10/2004	Phú Yên	31TYC1	7.0	4.0	Không Đạt	
3	28205227106	Lê Hà Phương Anh	27/07/2004	Thừa Thiên H	31SHT2	8.3	6.5	Đạt	
4	27211502182	Nguyễn Thành Đạt	04/06/2003	Quảng Ngãi	31SHT2	6.3	6.8	Đạt	
5	27207128085	Đặng Thị Diễm	11/11/2003	Quảng Nam	31CHT2	7.3	9.0	Đạt	
6	28204346409	Đinh Thị Diệp	02/07/2003	Quảng Nam	31SHT2	9.0	6.5	Đạt	
7	27217243552	Nguyễn Hồng Đức	04/11/2003	Đắk Lắk	30CBN12	6.0	5.5	Đạt	
8	28206506755	Nguyễn Thị Phương Dung	08/02/2004	Quảng Trị	31CHT2	8.0	7.5	Đạt	
9	28204300898	Nguyễn Thị Xuân Dung	03/01/2004	Phú Yên	31TYC1	7.3	6.0	Đạt	
10	27211342722	Trần Nguyên Hoàng Dương	01/06/2003	Đà Nẵng	30TSC11	7.0	5.3	Đạt	
11	28204800736	Đinh Đặng Thùy Duyên	29/09/2004	Phú Yên	31CHT2	6.7	9.5	Đạt	
12	28208005640	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	30/07/2004	Phú Yên	31TYC1	7.3	5.5	Đạt	
13	28204650098	Nguyễn Hương Giang	14/06/2004	Quảng Nam	31SHT2	9.0	10.0	Đạt	
14	28204704742	Bùi Thị Mỹ Hạ	19/02/2004	Quảng Nam	31SHT2	5.0	2.8	Không Đạt	
15	28204302095	Nguyễn Thị Gia Hân	22/01/2004	Quảng Ngãi	31SBN2	8.0	9.5	Đạt	
16	28208051685	Hồ Thị Mỹ Hạnh	21/11/2004	Quảng Trị	31CHT2	6.7	7.5	Đạt	
17	28205141297	Vô Thị Hạnh	26/06/2004	Đắk Lắk	31CHT2	8.3	7.3	Đạt	
18	28209506530	Lê Thị Thu Hiền	23/08/2004	Quảng Bình	31SBN2	6.7	7.0	Đạt	
19	28206221485	Nguyễn Thị Thu Hiền	13/06/2004	Thừa Thiên H	31THT1	7.3	5.0	Đạt	
20	28214640694	Ngô Thế Hiền	10/12/2004	Đà Nẵng	30CBN12	6.0	3.8	Không Đạt	
21	28216548112	Lê Cao Anh Hưng	23/07/2004	Quảng Nam	31THT1	6.3	3.8	Không Đạt	
22	27218240186	Nguyễn Quốc Hưng	18/10/2003	Quảng Bình	31CHT2	5.0	5.0	Đạt	
23	28204743180	Lê Tổng Khánh Linh	05/04/2004	Nghệ An	31SHT2	2.7	1.8	Không Đạt	
24	28206206533	Trần Thị Thùy Linh	01/10/2004	Quảng Bình	31SBN2	5.0	5.0	Đạt	
25	26217123458	Nguyễn Quang Long	08/11/2002	Đà Nẵng	31SHT2	6.3	3.3	Không Đạt	
26	28204853941	Đặng Tường Ly	15/10/2004	Đà Nẵng	31CHT2	2.3	8.5	Không Đạt	
27	28204805487	Vy Thị Nhật Ly	18/10/2004	Quảng Ngãi	31SHT2	7.0	6.5	Đạt	
28	28204606077	Nguyễn Thị Trà My	16/01/2004	Quảng Nam	31SBN2	9.3	10.0	Đạt	
29	28204322392	Phạm Thị Trà My	26/05/2004	Quảng Ngãi	31TYC1	6.3	5.0	Đạt	
30	27217235616	Trương Nhật Nam	25/10/2003	Quảng Bình	31SBN2	8.7	5.0	Đạt	
31	27203327588	Nguyễn Thị Bích Nga	02/04/2003	Phú Yên	31CHT2	3.7	5.0	Không Đạt	
32	28204600462	Nguyễn Thị Kim Ngân	09/04/2004	Quảng Nam	31SHT2	7.3	7.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	26208638587	Phan Tịnh	Nghi	10/07/2002	Gia Lai	31SBN2	3.7	3.3	Không Đạt	
34	28204406946	Trần Thị Ánh	Nguyên	07/07/2004	Quảng Nam	31SHT2	7.7	9.0	Đạt	
35	27203301573	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	19/04/2003	Quảng Nam	30THT17	6.0	5.5	Đạt	
36	28204653450	Phan Thị Thúy	Nguyệt	24/12/2004	Quảng Nam	31SHT2	8.7	9.3	Đạt	
37	27218239586	Dương Hoàng	Nhật	06/02/2003	Gia Lai	31CHT2	6.7	5.3	Đạt	
38	27202220765	Cái Yến	Nhi	16/02/2003	Quảng Nam	30THT17	7.7	5.3	Đạt	
39	28204622582	Nguyễn Thị Yến	Nhi	22/08/2004	Quảng Ngãi	31SHT2	8.0	8.0	Đạt	
40	28209446339	Phạm Thị Thanh	Như	24/07/2004	Quảng Nam	31CHT2	9.3	9.5	Đạt	
41	28206502194	Trần Ngọc Ý	Như	08/12/2004	Hà Tĩnh	31TBN2	7.0	5.5	Đạt	
42	27212201111	Lê Phương Hồng	Nhung	28/09/2003	Thanh Hóa	31TBN2	8.3	6.5	Đạt	
43	27207302476	Đinh Huỳnh My	Ny	15/10/2003	Đà Nẵng	31CHT2	6.7	8.5	Đạt	
44	28214601463	Trương Lê Hữu	Phúc	06/08/2004	Quảng Nam	31SBN2	5.3	7.3	Đạt	
45	28204451742	Hồ Thị	Phượng	20/02/2004	Quảng Nam	31SHT2	7.0	5.0	Đạt	
46	27217139845	Đặng Trần Minh	Quân	29/09/2003	Đà Nẵng	30THT16	5.0	5.0	Đạt	
47	28214652823	Nguyễn Hồng	Quân	03/06/2004	Nghệ An	31SHT2	5.7	2.8	Không Đạt	
48	28205151094	Huỳnh Thị Ngọc	Quyên	05/11/2004	Gia Lai	31CHT2	4.3	2.8	Không Đạt	
49	28204602884	Trần Thị Kim	Quyên	20/06/2004	Quảng Ngãi	31SHT2	8.0	6.8	Đạt	
50	28208132703	Lê Thị Diễm	Quỳnh	08/12/2004	Đà Nẵng	31SBN2	8.7	8.5	Đạt	
51	28204105475	Phạm Thị	Quỳnh	02/07/2004	Hà Tĩnh	31CHT2	7.3	7.0	Đạt	
52	26212431653	Trần Hồ Nam	Son	19/05/2002	Đà Nẵng	31SBN2			Không Đạt	
53	27211334764	Trần Văn	Tài	07/02/2003	Quảng Nam	31SBN2	3.3	3.8	Không Đạt	
54	27205352336	Trần Thị Thanh	Tâm	03/04/2003	Quảng Ngãi	31SBN2	7.3	8.0	Đạt	
55	28214605197	Nguyễn Danh	Thái	02/09/2004	Quảng Trị	31THT2	8.0	7.5	Đạt	
56	28206354527	Mai Thị Thanh	Thanh	22/10/2004	Đà Nẵng	31CBN1	6.3	5.0	Đạt	
57	28205224358	Nguyễn Thị Phương	Thảo	01/06/2004	Quảng Trị	31SBN2	7.7	9.0	Đạt	
58	28204802774	Trần Lê Thu	Thảo	02/11/2003	Quảng Bình	31CHT2	6.0	7.8	Đạt	
59	28209404842	Lê Thị	Thiện	05/07/2004	Gia Lai	31CHT2	8.7	10.0	Đạt	
60	27212429194	Hồ Quốc	Thịnh	18/09/2003	Bình Định	31CHT2	5.0	5.8	Đạt	
61	28204847163	Nguyễn Thị Anh	Thư	02/03/2004	Đắk Lắk	31TBN1	6.0	6.5	Đạt	
62	28204154672	Trần Nguyễn Diệu	Thúy	27/06/2003	Hà Tĩnh	31CHT2	9.0	9.5	Đạt	
63	27202239887	Ngô Thanh	Thủy	02/07/2003	Quảng Nam	31CHT2	5.7	6.5	Đạt	
64	28204603812	Đặng Thị Thanh	Tiền	16/10/2004	Bình Định	31CHT2	4.7	7.3	Không Đạt	
65	27211334944	Trần Mai	Tin	19/10/2003	Quảng Nam	31SBN2	5.7	6.0	Đạt	
66	27205345569	Nguyễn Kim Lê	Toàn	24/03/2003	Nghệ An	31SBN2	7.0	8.0	Đạt	
67	28204604501	Đinh Thị Huyền	Trân	03/06/2004	Quảng Ngãi	31SHT2	7.7	7.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	25207217654	Hoàng Quỳnh	Trang	25/02/2001	Quảng Trị	31SBN2	4.7	9.5	Không Đạt	
69	28206703782	Lưu Thị	Trang	16/04/2004	Kon Tum	31SBN2	8.7	9.8	Đạt	
70	27212245265	Phạm Đỗ Quỳnh	Trang	07/01/2003	Đắk Lắk	30CYC2	5.0	3.5	Không Đạt	
71	25218707822	Nguyễn	Trí	22/10/2001	Đắk Lắk	31SHT2	5.0	7.3	Đạt	
72	28206502823	Cao Thị Kiều	Trinh	20/02/2004	Thừa Thiên H	31THT1	4.7	5.3	Không Đạt	
73	28206749441	Hồ Thị Tú	Trinh	30/07/2004	Thừa Thiên H	31CHT2	9.7	10.0	Đạt	
74	27211340550	Phùng Đức	Trọng	22/09/2003	Nam Định	31SBN2	7.0	4.0	Không Đạt	
75	27211348799	Đinh Quốc	Trung	29/06/2003	Thanh Hóa	31SBN2	8.0	8.5	Đạt	
76	27211327750	Trần Văn	Trung	13/08/2003	Quảng Nam	31SBN2	6.7	5.0	Đạt	
77	27212126015	Nguyễn Công Thiên	Trường	26/11/2003	Quảng Trị	31CHT2	7.0	8.5	Đạt	
78	28205102008	Huỳnh Thị Ánh	Tuyết	21/12/2004	Đà Nẵng	31CHT2	4.3	5.5	Không Đạt	
79	28204649136	Nguyễn Ngọc Tổ	Uyên	05/09/2004	Đà Nẵng	31SBN2	7.0	3.8	Không Đạt	
80	28204705269	Nguyễn Hồng	Vân	14/02/2004	Quảng Nam	31SHT2	6.7	6.8	Đạt	
81	28204705276	Nguyễn Tuyết	Vân	14/02/2004	Quảng Nam	31SHT2	7.3	5.0	Đạt	
82	28207127683	Nguyễn Đình Hạ	Vi	03/08/2004	Quảng Nam	31SBN2	6.0	6.0	Đạt	
83	26202935768	Nguyễn Thị Tường	Vi	22/01/2002	Quảng Nam	31SBN2	4.0	8.3	Không Đạt	
84	28206703007	Trần Thị Thu	Vương	02/12/2003	Quảng Nam	31CHT2	7.7	7.5	Đạt	
85	28204445983	Bùi Thị Ngọc	Vy	15/05/2004	Quảng Nam	31SHT2	6.3	8.0	Đạt	
86	28208004946	Lê Triệu	Vy	13/02/2004	Quảng Trị	31SBN2	9.7	7.5	Đạt	
87	28204324491	Lê Trường	Vy	10/12/2004	Quảng Ngãi	31SHT2	5.7	5.5	Đạt	
88	27202141741	Phạm Xanh	Xanh	15/02/2003	Quảng Nam	31SHT2	4.3	5.3	Không Đạt	
89	28204501495	Phạm Thị Như	Ý	20/07/2004	Quảng Trị	31TBN1	7.0	6.0	Đạt	
90	27208235817	Trương Như	Ý	06/05/2003	Quảng Nam	31CHT2	5.7	8.8	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh